

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 353/2025/DS-ST

Ngày: 09-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng

2. Bà Phan Thị Dòn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Minh Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh:**
Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 908/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Tài chính TNHH MTV M

Địa chỉ: phường B, Quận A, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm 2000

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm: 1991

Địa chỉ: xã V, huyện B, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Công ty Tài chính TNHH MTV M và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N đã trình bày:

Ngày 13/03/2023, Công ty tài chính TNHH một thành viên M (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 4406704 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Hồng M với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng, bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm 2.310.000 đồng, lãi suất 50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm, bà Nguyễn Thị Hồng M có nghĩa vụ thanh toán là trả tiền gốc, lãi hàng tháng với số tiền là 2.157.768 đồng trong kỳ hạn 30

tháng, kể từ ngày 25/03/2023 đến ngày 25/08/2025 cho Công ty. Sau khi ký kết, Công ty Tài chính Mirae Asset đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Hồng M. Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Nguyễn Thị Hồng M chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 03 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 4.269.274 đồng. Từ ngày 18/01/2024 đến nay bà Nguyễn Thị Hồng M không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo Hợp đồng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Hồng M biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Hồng M vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Thị Hồng M vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Thị Hồng M thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là: 68.016.575 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 32.310.000 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 21.641.716 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 11.805.598 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.259.261 đồng.
- * Diễn giải công thức tính lãi:

1/ Lãi trong hạn:

= Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

2/ Lãi quá hạn: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG)

a) Số tiền lãi quá hạn từng kỳ:

= $150\% \times \text{Lãi suất}\% \times \text{Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn}$: 365 ngày

b) Số tiền lãi quá hạn:

= Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

3/ Lãi chậm trả: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG)

a) Số tiền lãi chậm trả từng kỳ:

= $10\% \times \text{Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn}$: 365 ngày

b) Số tiền lãi chậm trả:

= Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng M phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 12/4/2025 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Hồng M thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bà M vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[2] Công ty Tài chính TNHH MTV M khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Hồng M. Bà M cư trú tại địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đương sự. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Hồng M đã không đến Tòa án theo Giấy triệu tập. Do đó, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bà M. Theo kết quả xác minh nơi cư trú đương sự của Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị Hồng M có hộ khẩu thường trú tại: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại bà M bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/ NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thuộc trường hợp của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M là "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung ...". Bà Nguyễn Thị Hồng M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và An lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định ngày 14/03/2023, Công ty tài chính TNHH một thành viên M), (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 4406704 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho Bà Nguyễn Thị Hồng M với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng, bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm 2.310.000 đồng, lãi suất 50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm, bà Nguyễn Thị Hồng M có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là tiền gốc, tiền lãi hàng tháng với số tiền là 2.157.768 đồng trong kỳ hạn 30 tháng, kể từ ngày 25/03/2023 đến ngày 25/08/2025 cho Công ty. Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Nguyễn Thị Hồng M chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 3 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 4.269.274 đồng. Từ ngày 18/01/2024 đến nay bà Nguyễn Thị Hồng M không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty. Tạm tính đến ngày 11/4/2025 bà Nguyễn Thị Hồng M còn nợ Công ty Tài chính TNHH MTV M là : 68.016.575 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 32.310.000 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 21.641.716 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 11.805.598 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.259.261 đồng.

[6] Theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và tại khoản 8.3 Điều 8 của Đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính TNHH MTV M và bà Nguyễn Thị Hồng M quy định: “Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo Lãi suất đã thỏa thuận thì khách hàng còn chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả”. Bà Nguyễn Thị Hồng M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi, vì vậy Công ty Tài chính TNHH MTV M yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M trả tiền gốc và lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, An lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là: 68.016.575 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 32.310.000 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 21.641.716 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 11.805.598 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.259.261 đồng.

[7] Kể từ ngày 12/4/2025 bà Nguyễn Thị Hồng M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV M về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị Hồng M.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là: 68.016.575 (Sáu mươi tám triệu, không trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 32.310.000 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 21.641.716 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 11.805.598 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.259.261 đồng.

Kể từ ngày 12/4/2025 bà Nguyễn Thị Hồng M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 3.400.829 đồng (Ba triệu, bốn trăm nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền 1.149.377 đồng (Một triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24P, số 005117 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Tài chính TNHH MTV M, bà Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết, Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn